TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 6 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Túy Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Mậu Thìn

Bà Đoàn Thị Thanh Phượng

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ni - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa***: Bà Phan Thanh Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2017/TLST–HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2017, về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Quốc N, sinh năm 1988 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp 18, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.
Anh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 09 tháng 01 năm 2018.

Bị đơn: Chị Võ Bích N1, sinh năm 1979 (vắng mặt).
Địa chỉ: Thụy Sỹ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/3/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Quốc N trình bày: Anh và chị Võ Bích N1 quen biết nhau, tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/01/2015. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống tại gia đình của anh N khoảng 01 tháng thì chị N1 về Thụy Sỹ. Đến cuối năm 2015 chị N1 có về Việt Nam thăm anh một lần, sau đó Ngân về Thụy Sỹ cho đến nay và cũng không còn liên lạc được với chị N1. Do vợ chồng không liên lạc được với nhau trong thời gian dài nên tình cảm vợ chồng không còn và khả năng đoàn tụ gia đình là không có. Do đó, anh N yêu cầu ly hôn với chị N1. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Võ Bích N1, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện phương thức tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho chị N1 theo đường dịch vụ bưu chính đến Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài để tống đạt cho đương sự; yêu cầu chị N1 trả lời các câu hỏi của Tòa án về những nội dung liên quan đến yêu cầu khởi kiện của anh N đối với chị N1, triệu tập chị N1 tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng đến nay chị N1 không trả lời những câu hỏi của Tòa án. Theo quy định của pháp luật Việt Nam yêu cầu ly hôn của anh N vẫn được tiến hành giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án thực hiện ủy thác tư pháp tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị anh N đối với chị N1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Võ Bích N1 đang ở Thụy Sỹ nên yêu cầu ly hôn của anh N đối với chị N1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định của pháp luật.

[3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện phương thức tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho chị N1 theo đường dịch vụ bưu chính đến Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài để tống đạt văn bản tố tụng, yêu cầu chị N1 trình bày các vấn đề có liên quan đến yêu cầu ly hôn của anh N đối với chị N1, triệu tập chị N1 tham gia các phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa chị N1 vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ điểm c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N1.

[4] Về hôn nhân: Anh N xác định anh và chị N1 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/01/2015 nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của anh N, anh N xác định sau khi kết hôn chị N1 và anh chung sống với nhau tại gia đình của anh N khoảng 01 tháng thì chị N1 về Thụy Sỹ. Đến cuối năm 2015 chị N1 có về Việt Nam thăm anh một lần, sau đó N1 về Thụy Sỹ cho đến nay và anh N không còn liên lạc được với chị N1. Do không liên lạc được với nhau trong thời gian dài nên tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nhưng sau khi kết hôn chị N1 và anh N không sống gần nhau, tình cảm không còn nên mục đích hôn nhân không đạt được và hiện nay không còn liên lạc được với nhau nên khả năng vợ chồng đoàn tụ là không có. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của của anh N đối với chị N1.

[6] Về con chung, tài sản chung và nợ chung anh N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chi phí thực tế tống đạt văn bản tố tụng theo đường bưu chính là 983.576 đồng anh Lê Quốc N phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 273, điểm c khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Quốc N đối với c hị Võ Bích N1. Anh Lê Quốc N được ly hôn với chị Võ Bích N1.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu; không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng anh Lê Quốc N phải chịu, anh N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009510 ngày 14 tháng 3 năm 2017 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

- Chi phí thực tế tống đạt văn bản tố tụng số tiền 983.576 đồng anh Lê Quốc Những phải chịu, anh N đã nộp xong.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, Anh Lê Quốc Những có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; chị Võ Bích N1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- CTHADS tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- UBND xã Phong Thạnh, TX Giá Rai (01 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Cao Thị Túy GIang